

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình
Đường từ Trung tâm thành phố Thanh Hóa nối với đường giao thông từ
Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi một số
điều Luật Xây dựng ngày 28 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4
năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số
06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về
quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số
32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 và số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng
02 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03
tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây
dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 về sửa đổi một số điều của
các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 492/NQ-HĐND ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Hội
đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường từ Trung tâm thành
phố Thanh Hóa nối với đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu
kinh tế Nghi Sơn;*

*Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 865/QĐ-UBND ngày
09 tháng 3 năm 2018 phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; số 4599/QĐ-UBND ngày
05 tháng 11 năm 2019, số 2113/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2022 phê duyệt
điều chỉnh dự án Đường từ Trung tâm thành phố Thanh Hóa nối với đường giao
thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn;*

*Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 3055/TTr-SGTVT
ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Đường từ Trung
tâm thành phố Thanh Hóa nối với đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ
Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn (kèm theo hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án
và kết quả thẩm định số 3050/SGTVT-TĐKHKT ngày 29 tháng 5 năm 2024).*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án Đường từ Trung tâm thành phố Thanh Hóa nối với đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn với những nội dung chủ yếu sau:

1. Khái quát về dự án

- Dự án Đường từ Trung tâm thành phố Thanh Hóa nối với đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 09/3/2018, phê duyệt điều chỉnh dự án tại các Quyết định: số 4599/QĐ-UBND ngày 05/11/2019, số 2113/QĐ-UBND ngày 16/6/2022 với Tổng mức đầu tư là **1.489,970 tỷ đồng**, trong đó:

+ Chi phí giải phóng mặt bằng:	530.485 triệu đồng.
+ Chi phí xây dựng:	838.631 triệu đồng.
+ Chi phí quản lý dự án:	7.307 triệu đồng.
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	30.696 triệu đồng.
+ Chi phí khác:	39.760 triệu đồng.
+ Chi phí dự phòng:	38.091 triệu đồng.

- Phạm vi và quy mô đầu tư xây dựng:

+ Phạm vi xây dựng: Điểm đầu tại nút giao Nhôi, giao với Quốc lộ 47 tại Km21+662 và Quốc lộ 45 tại Km76+600 thuộc địa phận phường An Hoạch, thành phố Thanh Hóa; điểm cuối Km11+223 tại nút giao Nỏ Hẻn, giao với đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn tại Km23+532 và Đường tỉnh 517 tại Km11+250, thuộc địa phận xã Đồng Lợi, huyện Triệu Sơn

+ Quy mô đầu tư: Nền đường có $B_n=(41-43)m$; mặt đường bê tông nhựa chặt, móng đường bằng cấp phối đá dăm, cường độ mặt đường $E_{yc} \geq 160Mpa$; tần suất thủy văn $P=2\%$ đối với nền đường, cống, cầu nhỏ và $P=1\%$ đối với cầu trung, cầu lớn; tải trọng thiết kế cầu HL93 và người đi bộ $3 \times 10^{-3}Mpa$; tải trọng thiết kế cống, rãnh thoát nước H30-XB80.

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh và các nguồn huy động hợp pháp khác.

- Thời gian thực hiện dự án:

+ Theo Quyết định số 4599/QĐ-UBND ngày 05/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh: Từ năm 2018 đến hết năm 2023.

+ Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh thời gian thực hiện tại Nghị quyết số 492/NQ-HĐND ngày 14/3/2024 thành: Từ năm 2019 đến hết năm 2024.

- Dự án đã thi công hoàn thành, đưa vào khai thác sử dụng.

2. Lý do điều chỉnh

Đây là tuyến đường trục chính kết nối trung tâm thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, Khu kinh tế Nghi Sơn và tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam qua nút giao Đồng Thắng, nên có lưu lượng giao thông tham gia trên tuyến lớn. Để đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình khai thác tuyến đường vào ban đêm; ngày 14/3/2024, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 492/NQ-HĐND điều chỉnh chủ trương đầu tư, bổ sung hệ thống điện chiếu sáng đồng bộ trên toàn bộ tuyến đường và điều chỉnh thời gian thực hiện dự án đến hết năm 2024. Vì vậy, cần thiết phải điều chỉnh dự án Đường từ Trung tâm thành phố Thanh Hóa nối với đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn để làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo đảm bảo tuân thủ quy định.

3. Nội dung điều chỉnh

- Đầu tư bổ sung hệ thống điện chiếu sáng đồng bộ trên tuyến đảm bảo theo các quy định và tiêu chuẩn hiện hành.

- Cập nhật các nội dung điều chỉnh trong quá trình thi công gồm: Bổ sung hoàn trả đường phục vụ thi công; điều chỉnh vỉa hè, bó vỉa, cây xanh nút giao trong phạm vi nút giao đầu tuyến với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47 và một số hạng mục điều chỉnh khác.

- Điều chỉnh diện tích sử dụng đất tại mục 8, Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 09/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh: từ "*khoảng 47ha (giai đoạn 1 khoảng 36ha)*" thành "*khoảng 81,13ha*" do khi phê duyệt điều chỉnh dự án tại các Quyết định số 4599/QĐ-UBND ngày 05/11/2019 và số 2113/QĐ-UBND ngày 16/6/2022 chưa thực hiện điều chỉnh để phù hợp với thực tế.

- Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án tại mục 4, Quyết định số 4599/QĐ-UBND ngày 05/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh: từ "*Từ năm 2018 đến hết năm 2023*" thành "*Từ năm 2018 đến hết năm 2024*" theo Nghị quyết số 492/NQ-HĐND ngày 14/03/2024 của HĐND tỉnh.

4. Giải pháp thiết kế bổ sung, điều chỉnh

4.1. Bổ sung mới hệ thống điện chiếu sáng trên đoạn tuyến còn lại của dự án chưa đầu tư chiếu sáng.

a) Nguồn điện chiếu sáng

Bổ sung mới 05 trạm biến áp (T4, T5, T6, T7, T8) kết hợp với 04 trạm biến áp hiện có trên tuyến (trạm Đông Tân, các trạm T1, T2, T3) để cấp nguồn cho toàn bộ hệ thống điện chiếu sáng trên tuyến, trạm biến áp kiểu trạm treo trên 02 cột. Công suất, vị trí, đầu nối nguồn cấp cho từng đoạn như sau:

- Đối với 04 trạm biến áp hiện có trên tuyến:

- + Trạm biến áp Đông Tân 8 công suất 250kVA đặt tại Km0+108 (trái tuyến): Cấp nguồn cho hệ thống chiếu sáng đoạn từ Km0 - Km0+680 (bao gồm cả nút giao đầu tuyến và nút giao với đường vành đai phía Tây).

+ Trạm biến áp T1 công suất 31,5kVA đặt tại Km1+095 (trái tuyến): Cấp nguồn cho hệ thống chiếu sáng đoạn từ Km0+680 - Km1+840.

+ Trạm biến áp T2 công suất 31,5kVA đặt tại Km2+860 (phải tuyến): Cấp nguồn cho hệ thống chiếu sáng đoạn từ Km1+840 - Km3+520.

+ Trạm biến áp T3 công suất 50kVA đặt tại phía trái ĐT.517 nhánh đi Quốc lộ 47C tại Km11+445/ĐT.517 tại Km2+860 (phải tuyến): Cấp nguồn cho hệ thống chiếu sáng đoạn từ Km10+500 - Km11+223 (gồm cả nút giao cuối tuyến).

- Đối với 05 trạm biến áp xây dựng mới:

+ Trạm biến áp T4 công suất 50kVA đặt tại Km4+300 (trái tuyến): Cấp nguồn cho hệ thống chiếu sáng đoạn từ Km3+520 - Km5+480.

+ Trạm biến áp T5 công suất 31,5kVA đặt tại Km6+00 (phải tuyến): Cấp nguồn cho hệ thống chiếu sáng đoạn từ Km5+480 - Km6+650.

+ Trạm biến áp T6 công suất 50kVA đặt tại Km7+341 (phải tuyến): Cấp nguồn cho hệ thống chiếu sáng đoạn từ Km6+650 - Km8+300 (bao gồm cả phạm vi 02 nút giao Km7+088, Km8+276).

+ Trạm biến áp T7 công suất 31,5kVA đặt tại Km8+540 (phải tuyến): Cấp nguồn cho hệ thống chiếu sáng đoạn từ Km8+300 - Km9+200.

+ Trạm biến áp T8 công suất 31,5kVA đặt tại Km9+780 (phải tuyến): Cấp nguồn cho hệ thống chiếu sáng đoạn từ Km9+200 - Km10+500 (gồm cả nút giao Km9+720).

b) Hệ thống chiếu sáng

- Đối với các vị trí nút giao, quay đầu xe: Sử dụng các cột đèn tròn cao 17m tại dải phân cách giữa, chiếu sáng bằng cụm 04 bóng đèn Led có công suất 300W; trên các nhánh rẽ, tại mép đường dùng các cột đèn tròn còn cao 12m, cần vươn 1,5m, chiếu sáng bằng bóng đèn Led có công suất 150W. Riêng đối với các nhánh của nút giao liên thông Đông Thăng Km9+720 để đồng bộ với dự án cao tốc và đoạn đường ngang vào đô thị Gốm có $B_m=8,0m$ sử dụng cột đèn tròn còn cao 9m, cần vươn 1,5m, chiếu sáng bằng bóng đèn Led có công suất 150W.

- Đối với các vị trí còn lại trên toàn tuyến: Sử dụng các cột đèn tròn còn cao 12m, cần vươn 1,5m, chiếu sáng bằng bóng đèn Led có công suất 150W.

4.2. Cập nhật các nội dung điều chỉnh trong quá trình thi công

a) Điều chỉnh bổ sung hạng mục hoàn trả 03 tuyến đường giao thông phục vụ thi công gồm: Đường giao thông liên xã Đông Văn - Đông Yên; đường giao thông nội đồng tại Km5+850/ĐT.517; đường vào xã Đông Thăng tại Km8+276.

b) Điều chỉnh các hạng mục vỉa hè, bó vỉa, cây xanh nút giao trong phạm vi nút giao đầu tuyến với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47.

- Điều chỉnh kết cấu vỉa hè từ lát gạch block sang lát đá tự nhiên; bó vỉa bằng bê tông xi măng sang bó vỉa bằng đá tự nhiên.

- Điều chỉnh thu hẹp các đảo giao thông; cập nhật cao độ đường đèn theo thực

tế; điều chỉnh vị trí, cao độ đặt tuynel kỹ thuật Km7+078; bổ sung hệ thống rãnh thu nước dân sinh và các đoạn thu nước mặt đường kết nối với hệ thống rãnh hiện trạng.

- Điều chỉnh phạm vi đầu tư hoàn thiện nhánh vượt về cầu Đổng của nút giao.

c) Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung khác trong quá trình thi công

- Bổ sung, điều chỉnh một số hạng mục tại nút giao liên thông Đồng Thắng gồm: Bổ sung vượt nối từ đường dân sinh hiện trạng lên nhánh nối cao tốc; kéo dài đường gom trái đến đường dân sinh hiện trạng tại cuối tuyến nối cao tốc; bổ sung điểm kết nối đường gom bên trái lên tuyến nối cao tốc và điểm mở dải phân cách sang đường tại Km9+465; điều chỉnh thu hẹp mặt đường gom phải từ $B_m=5,5m$ thành $B_m=(3-4)m$; đóng điểm kết nối đường gom lên tuyến chính bên trái tuyến tại Km9+950.

- Bổ sung rãnh thoát nước; điều chỉnh vượt nối các đường dân sinh; bổ sung điểm dừng tránh xe trên đường gom; điều chỉnh hệ thống an toàn giao thông; cập nhật cao độ đường đen đoạn Km6+850 - Km6+920 và chiều dày đào đất không thích hợp đoạn Km6+920 - Km6+964.

(Chi tiết như hồ sơ thiết kế cơ sở điều chỉnh kèm theo).

5. Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh: 1.484.970.000.000 đồng.

(Một nghìn bốn trăm tám mươi tư tỷ, chín trăm bảy mươi triệu đồng)

Đơn vị: Nghìn đồng.

STT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư theo QĐ số 2113/QĐ-UBND ngày 16/6/2022	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Tăng (+); giảm (-)
1	Chi phí GPMB	530.485.000	482.781.000	-47.704.000
2	Chi phí xây dựng	838.631.000	884.042.000	45.411.000
3	Chi phí quản lý dự án	7.307.000	9.522.000	2.215.000
4	Chi phí tư vấn ĐTXD	30.696.000	31.842.000	1.146.000
5	Chi phí khác	39.760.049	38.692.000	-1.068.049
6	Chi phí dự phòng	38.091.000	38.091.000	-
Tổng mức đầu tư		1.484.970.000	1.484.970.000	-

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

6. Điều chỉnh diện tích sử dụng đất: Tại mục 8, Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 09/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh: từ "khoảng 47ha (giai đoạn 1 khoảng 36ha)" thành "khoảng 81,13ha".

7. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: tại mục 4, Quyết định số 4599/QĐ UBND ngày 05/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh: từ "Từ năm 2018 đến hết năm 2023" thành "Từ năm 2018 đến hết năm 2024".

8. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 865/QĐ-UBND ngày 09/3/2018, số 4599/QĐ-UBND ngày 05/11/2019, số 2113/QĐ-UBND ngày 16/6/2022.

Điều 2. Sở Giao thông vận tải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về nội dung số liệu, hồ sơ điều chỉnh trình thẩm định, phê duyệt. Đồng thời, tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng, quản lý ngân sách và đầu tư công.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH

**DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỬ TRUNG TÂM THÀNH PHỐ THANH HÓA NỐI VỚI ĐƯỜNG GIAO THÔNG TỬ CẢNG HÀNG
KHÔNG THỌ XUÂN ĐI KHU KINH TẾ NGHI SƠN**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Nghìn đồng

ST T	HẠNG MỤC CHI PHÍ	PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 2113/QĐ-UBND NGÀY 16/6/2022	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH	CHÉNH LỆCH
I	Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư		30.485.000	482.781.000	47.704.000
II	Chi phí xây dựng		838.631.000	884.042.000	45.411.000
1	Chi phí thi công xây dựng công trình đã duyệt				
-	Gói thầu số 04 - thi công xây dựng giai đoạn 1	Quyết định số 1113/QĐ-SGTVT ngày 13/12/2023 của Giám đốc Sở GTVT	407.371.214	422.643.810	15.272.596
-	Gói thầu số 5a - thi công xây dựng giai đoạn 2	Phụ lục hợp đồng số 13/2023/PLHĐ ngày 20/10/2023	213.706.963	218.842.813	5.135.850
-	Gói thầu số 10 - Hạ tầng cầu Nô Hên và điện chiếu sáng	Hợp đồng số 09/2021/HĐXD ngày 26/3/2021	17.624.103	17.624.103	-
-	Gói thầu số 11 - Thi công xây dựng nút giao liên thông Đông Thăng	Quyết định số 668/QĐ-SGTVT ngày 14/8/2023 của Giám đốc Sở GTVT	29.928.690	14.696.670	15.232.020
2	Chi phí đầu tư nút giao (phạm vi kết nối với đường cao tốc) trường hợp Bộ GTVT không đầu tư	Giảm trừ do đã được Bộ Giao thông vận tải đầu tư xây dựng hoàn thiện	170.000.000	-	170.000.000
3	Chi phí điều chỉnh phần khối lượng hoàn thành đến năm 2023	Tạm tính		175.000.000	
4	Chi phí bổ sung hạng mục điện chiếu sáng	Dự toán chi tiết		35.235.000	35.235.000
-	Chi phí xây dựng công trình			34.375.000	34.375.000
-	Chi phí thiết bị			860.000	860.000
III	Chi phí Quản lý dự án	1,181% x 806.261.324	7.307.000	9.522.000	2.215.000
IV	Chi phí Tư vấn đầu tư xây dựng		30.696.000	31.842.000	1.146.000
1	Chi phí khảo sát, lập dự án đầu tư xây dựng (bao gồm cả cắm cọc GPMB và MLG)	Quyết định số 806/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	3.496.755	3.496.755	-
2	Chi phí khảo sát, lập điều chỉnh Báo cáo NCKT (gồm thiết kế cắm cọc GPMB và MLG)	Quyết định số 1026/QĐ-SGTVT ngày 01/10/2019 của Giám đốc Sở GTVT	3.427.882	3.427.882	-
3	Cắm cọc GPMB giai đoạn 2 và MLG điều chỉnh	Quyết định số 1292/QĐ-SGTVT ngày 11/12/2020 của Giám đốc Sở GTVT	584.167	584.167	-
4	Chi phí khảo sát, lập thiết kế BVTC (giai đoạn 1)	Quyết định số 806/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	3.645.564	3.645.564	-
5	Chi phí khảo sát, lập thiết kế BVTC, dự toán hạng mục điều chỉnh tuyến đường ngang	Quyết định số 799/QĐ-SGTVT ngày 30/7/2019 của Giám đốc Sở GTVT	206.417	206.417	-
6	Chi phí khảo sát, lập thiết kế BVTC giai đoạn 2 (gồm điều chỉnh giai đoạn 1) và dự toán	Quyết định số 1089/QĐ-SGTVT ngày 21/9/2020 của Giám đốc Sở GTVT	6.951.065	6.951.065	-
7	Chi phí lập nhiệm vụ, giám sát khảo sát lập dự án đầu tư, bước thiết kế BVTC (giai đoạn 1)	Quyết định số 806/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	205.196	205.196	-

ST T	HẠNG MỤC CHI PHÍ	PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 2113/QĐ-UBND NGÀY 16/6/2022	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH	CHÊNH LỆCH
8	Chi phí lập nhiệm vụ, giám sát khảo sát bước lập điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi	Quyết định số 822/QĐ-SGTVT ngày 07/8/2019 của Giám đốc Sở GTVT	129.579	129.579	-
9	Chi phí lập nhiệm vụ, giám sát khảo sát bước lập BVTC hạng mục điều chỉnh tuyến đường ngang	Quyết định số 799/QĐ-SGTVT ngày 30/7/2019 của Giám đốc Sở GTVT	5.660	5.660	-
10	Chi phí lập nhiệm vụ, giám sát khảo sát bước BVTC giai đoạn 2 (gồm điều chỉnh giai đoạn 1)	Quyết định số 2856/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	140.455	140.455	-
11	Chi phí giám sát công tác cắm cọc GPMB, MLG, biển chỉ dẫn mặt cắt ngang quy hoạch	Quyết định số 806/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	22.226	22.226	-
12	Chi phí khảo sát, lập BC đánh giá tác động môi trường dự án		332.430	332.430	-
13	Chi phí giám sát hạng mục điện chiếu sáng	Quyết định số 2856/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	375.922	375.922	-
14	Chi phí giám sát xây dựng công trình				
-	<i>Gói thầu số 04 - thi công xây dựng giai đoạn 1</i>	<i>1,090% x 402.848.034</i>	<i>4.294.219</i>	<i>4.391.044</i>	<i>96.825</i>
-	<i>Gói thầu số 5a - thi công xây dựng giai đoạn 2</i>	<i>1,241% x 206.905.933</i>	<i>2.566.038</i>	<i>2.567.703</i>	<i>1.665</i>
-	<i>Gói thầu số 10 - Hạng mục cầu Nô Hên và điện chiếu sáng</i>	<i>2,868% x 16.662.788</i>	<i>477.889</i>	<i>477.889</i>	<i>-</i>
15	Chi phí thẩm tra an toàn giao thông trước khi đưa công trình vào khai thác	Quyết định số 129/QĐ-SGTVT ngày 26/02/2021 của Giám đốc Sở GTVT	176.490	176.490	-
16	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC giai đoạn 2 (bao gồm cả điều chỉnh giai đoạn 1)	Quyết định số 2856/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	235.015	235.015	-
17	Chi phí thẩm tra dự toán giai đoạn 2 (bao gồm cả điều chỉnh giai đoạn 1)		220.772	220.772	-
18	Chi phí lập KH bảo vệ môi trường giai đoạn 2	Quyết định số 955/QĐ-SGTVT ngày 06/9/2019 của Giám đốc Sở GTVT	163.030	163.030	-
19	Chi phí quan trắc môi trường trong thi công	Quyết định số 127/QĐ-SGTVT ngày 26/02/2021 của Giám đốc Sở GTVT	196.400	196.400	-
20	Chi phí điều chỉnh biển báo MCN quy hoạch	Hợp đồng số 01/2020/HĐXD ngày 30/11/2020	100.000	100.000	-
21	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT các gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)	Quyết định số 2856/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	200.000	200.000	-
22	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT các gói thầu tư vấn đầu tư		40.264	40.264	-
23	Chi phí kiểm định đánh giá chất lượng công trình		800.000	800.000	-
24	Chi phí tư vấn nút giao liên thông Đồng Thăng				
-	<i>Lập điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi</i>	<i>Quyết định số 599/QĐ-SGTVT ngày 11/5/2022 của Giám đốc Sở GTVT</i>	<i>57.900</i>	<i>57.900</i>	<i>-</i>
-	<i>Chi phí khảo sát bước thiết kế BVTC</i>	<i>Quyết định số 743/QĐ-SGTVT ngày 05/7/2022 của Giám đốc Sở GTVT</i>	<i>200.000</i>	<i>45.886</i>	<i>-154.114</i>

ST T	HẠNG MỤC CHI PHÍ	PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 2113/QĐ-UBND NGÀY 16/6/2022	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH	CHÊNH LỆCH
-	Chi phí lập nhiệm vụ và giám sát khảo sát bước thiết kế BVTC		12.858	5.235	-7.623
-	Chi phí lập thiết kế BVTC và dự toán	Quyết định số 875/QĐ-SGTVT ngày 22/8/2022 của Giám đốc Sở GTVT	448.200	222.339	-225.861
-	Chi phí cắm cọc GPMB và Mốc lộ giới	Quyết định số 1045/QĐ-SGTVT ngày 01/11/2022 của Giám đốc Sở GTVT	200.000	72.443	-127.557
-	Chi phí giám sát thi công xây dựng	3,034% x 13.360.609	783.234	405.361	-377.873
-	Chi phí giám sát công tác cắm cọc MLG nút giao liên thông Đồng Thăng	Quyết định số 1045/QĐ-SGTVT ngày 01/11/2022 của Giám đốc Sở GTVT	-	388	388
-	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT các gói thầu xây dựng	Quyết định số 875/QĐ-SGTVT ngày 22/8/2022 của Giám đốc Sở GTVT	-	37.939	37.939
25	Chi phí tư vấn hạng mục đường phục vụ thi công				
-	Chi phí khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công	Quyết định số 186/QĐ-SGTVT ngày 09/3/2023 của Giám đốc Sở GTVT	-	152.127	152.127
-	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát và giám sát cắm cọc GPMB hạng mục hoàn trả đường công vụ		-	11.147	11.147
-	Chi phí lập thiết kế BVTC, dự toán và cắm cọc giải phóng mặt bằng, cọc Mốc lộ giới	Quyết định số 481/QĐ-SGTVT ngày 09/6/2023 của Giám đốc Sở GTVT	-	119.235	119.235
26	Chi phí tư vấn hạng mục điện chiếu sáng bổ sung				
-	Chi phí khảo sát, lập điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi	Quyết định số 284/QĐ-SGTVT ngày 04/4/2024 của Giám đốc Sở GTVT	-	72.869	72.869
-	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát và giám sát khảo sát bước điều chỉnh dự án		-	1.252	1.252
-	Chi phí lập thiết kế BVTC và dự toán	1,646% x 1,08 x 32.625.000	-	579.968	579.968
-	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	0,155% x 1,08 x 32.625.000	-	54.614	54.614
-	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	0,150% x 1,08 x 32.625.000	-	52.853	52.853
-	Chi phí giám sát thi công xây lắp	2,140% x 32.625.000	-	698.175	698.175
-	Chi phí lập, thẩm định HSMT; đánh giá, thẩm định HSDT gói thầu xây lắp	0,254% x 35.235.000	-	89.497	89.497
-	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	0,1% x 35.235.000	-	35.235	35.235
-	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	0,1% x 35.235.000	-	35.235	35.235
V	Chi phí khác		39.760.049	38.692.000	-1.068.049
1	Chi phí kiểm toán dự án hoàn thành	0,157% x 1,1 x 784.975.455	1.690.542	1.355.653	-334.890
2	Chi phí Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,109% x 0,5 x 784.975.455	536.680	427.812	-108.868
3	Chi phí bảo hiểm công trình				

ST T	HẠNG MỤC CHI PHÍ	PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 2113/QĐ-UBND NGÀY 16/6/2022	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH	CHÊNH LỆCH
-	Gói thầu số 04 - thi công xây dựng giai đoạn 1	Quyết định số 1113/QĐ-SGTVT ngày 13/12/2023 của Giám đốc Sở GTVT	1.104.991	1.106.926	1.935
-	Gói thầu số 5a - thi công xây dựng giai đoạn 2	Phụ lục hợp đồng số 13/2023/PLHĐ ngày 20/10/2023	627.062	638.514	11.452
-	Gói thầu số 10 - Hàng mục cầu Nô Hên và điện chiếu sáng	Hợp đồng số 09/2021/HĐXD ngày 26/3/2021	45.000	45.000	-
-	Gói thầu số 11 - Thi công xây dựng nút giao liên thông Đông Thăng	Quyết định số 668/QĐ-SGTVT ngày 14/8/2023 của Giám đốc Sở GTVT	75.000	32.000	-43.000
4	Chi phí rà phá bom mìn giai đoạn 1	Quyết định số 5101/QĐ-BQP ngày 21/11/2018 của Bộ Quốc phòng	1.927.000	1.927.000	-
5	Chi phí rà phá bom mìn giai đoạn 2	Quyết định số 3446/QĐ-UBND ngày 21/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	1.419.390	1.419.390	-
6	Phí thẩm định báo cáo đánh giá môi trường	Quyết định số 2856/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	66.000	66.000	-
7	Phí thẩm định dự án đầu tư và điều chỉnh dự án		99.394	99.394	-
8	Phí thẩm định thiết kế BVTC (gồm cả giai đoạn 1)		119.360	119.360	-
9	Phí thẩm định dự toán (gồm cả giai đoạn 1)		112.982	112.982	-
10	Phí thẩm định thiết kế, dự toán hạng mục điện	Quyết định số 806/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	15.106	15.106	-
11	Phí thẩm định thiết kế, dự toán điện điều chỉnh	Công văn số 1177/SCT-QLĐN ngày 19/5/2020 của Sở Công thương	41.200	41.200	-
12	Chi phí kiểm tra của Cơ quan chuyên môn	Quyết định số 5441/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	177.000	177.000	-
13	Chi phí thẩm định HSMT và Kết quả LCNT các gói thầu xây lắp thuộc dự án	Quyết định số 5441/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	200.000	200.000	-
14	Chi phí thẩm định HSMT và Kết quả LCNT các gói thầu tư vấn thuộc dự án	Quyết định số 2856/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	20.132	20.132	-
15	Chi phí cho hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của nhà thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu		100.000	100.000	-
16	Thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường		2.845.456	2.845.456	-
17	Chi phí hạng mục chung				
-	Chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công tại hiện trường	Quyết định số 2113/QĐ-UBND ngày 16/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	12.774.046	12.774.046	-
-	Chi phí công việc thuộc hạng mục chung không xác định được khối lượng		12.774.046	12.774.046	-
-	Chi phí đảm bảo ATGT khi thi công		600.000	600.000	-
-	Chi phí hoàn trả các công trình bị ảnh hưởng	Giảm trừ theo thực tế thi công	1.939.662	-	-1.939.662
-	Chi phí đường dây, trạm biến áp phục vụ thi công Gói thầu số 04 - thi công		225.000	-	-225.000

ST T	HẠNG MỤC CHI PHÍ	PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH	QUYẾT ĐỊNH SỐ 2113/QĐ-UBND NGÀY 16/6/2022	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH	CHÊNH LỆCH
	<i>xây dựng giai đoạn 1</i>				
-	<i>Chi phí đường dây, trạm biến áp phục vụ thi công Gói thầu số 5a - thi công xây dựng giai đoạn 2</i>		225.000	-	-225.000
19	Chi phí hạng mục chung điện chiếu sáng bổ sung				
-	<i>Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công</i>	2,0% x1,08x 31.828.704	-	687.500	687.500
-	<i>Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế</i>	2,0% x1,08x 31.828.704	-	687.500	687.500
-	<i>Chạy thử không tải hạng mục điện chiếu sáng trước khi bàn giao</i>	Dự toán chi tiết	-	27.815	27.815
-	<i>Chi phí nghiệm thu đóng điện</i>		-	270.448	270.448
-	<i>Chi phí đảm bảo ATGT khi thi công</i>	Tạm tính	-	122.000	122.000
VI	Chi phí dự phòng (không bao gồm GPMB)		38.091.000	38.091.000	-
1	Dự phòng phát sinh khối lượng	Quyết định số 2113/QĐ-UBND ngày 16/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	11.790.000	11.790.000	-
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá		26.301.000	26.301.000	-
	TỔNG CỘNG	I+II+III+IV+V	1.484.970.000	1.484.970.000	-